

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thanh.

2. Bà Vi Thị Ngọc Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Đông, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương, Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNHD ngày 19/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Kim O, sinh năm 2001. Căn cước công dân số 024301006413, do cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công An cấp ngày 16/01/2022. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1995. Căn cước công dân số 020095010844, do cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công An cấp. Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Hoàng Kim O trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Kim O và anh Triệu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/9/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân

do chồng ham chơi cờ bạc trên mạng, không tu chí làm ăn, lấy tiền của vợ; hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không có tiếng nói chung trong việc chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái; vợ chồng đã có nhiều lần ly thân và cũng đã cùng nhau cố gắng hòa giải nhưng không thay đổi. Đến tháng 3 năm 2025, vợ chồng mâu thuẫn càng tăng, cãi nhau, xô xát (chồng bóp cổ chị) nên đã quyết định sống ly thân từ đó cho đến nay; bản thân chồng chị không có ý định hòa giải mà còn nhấn tin xúc phạm và đe dọa. Nay nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Triệu Văn T có 01 người con chung là Triệu Thị Quỳnh T, sinh ngày 15/4/2022, hiện nay cháu đang ở cùng bố và bà nội, khi ly hôn chị yêu cầu anh Triệu Văn T sẽ nuôi dưỡng chăm sóc con chung đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi; chị tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng, một tháng) đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Triệu Văn T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành; Tòa án đã tiến hành xác minh, giao các văn bản tố tụng cho mẹ ruột anh Triệu Văn T là bà Nguyễn Thị B và tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ; niêm yết các văn bản tố tụng; mở phiên họp, phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đảm bảo đúng quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát là đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án; Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Kim O về việc ly hôn với anh Triệu Văn T.

Về con chung: Anh Triệu Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Thị Quỳnh Trang sinh ngày 15/4/2022 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Hoàng Kim O thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng một tháng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đến khi đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hoàng Kim O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật của vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại Thôn Đ, xã T, tỉnh Lạng Sơn, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lạng Sơn.

[3] *Xem xét yêu cầu khởi kiện, về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời khai, lời trình bày, biên bản xác minh mâu thuẫn, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập; có đủ cơ sở để xác định chị Hoàng Kim O và anh Triệu Văn T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán của địa phương.

[4] Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng bắt đầu từ năm 2024 do bất đồng về quan điểm sống trong cuộc sống gia đình, chăm sóc con cái; người chồng ham chơi, không chịu làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình; đình đám vào tháng 3 năm 2025, vợ chồng cãi nhau, xô xát (chồng bóp cổ vợ) nên cả hai đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

[5] Tại Biên bản xác minh ngày 04/9/2025 có xác nhận của chính quyền địa phương đối với mẹ ruột của anh Triệu Văn T là bà Nguyễn Thị B đã trình bày về việc chị Hoàng Kim O và anh Triệu Văn T có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân chính là do con trai của bà ham mê chơi bời, chơi game không quan tâm đến vợ con, làm cho vợ chán nản; mặc dù vợ và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Triệu Văn T không thay đổi làm cho chị Hoàng Kim O thấy cuộc sống không hạnh phúc nên đã bỏ về nhà ngoại sinh sống được

03 đến 04 tháng thì viết đơn xin ly hôn.

[6] Ngoài ra bà Nguyễn Thị Bình cho biết vẫn liên lạc với con trai bà qua điện thoại, khi nhận được các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, bà đã thông báo cho con trai biết thì anh Triệu Văn T có nói là ai muốn ly hôn thì tự giải quyết và anh sẽ không đến Tòa án để mặc cho vợ tự giải quyết ly hôn.

[7] Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trong một thời gian dài, kể từ khi ly hôn bản thân người chồng không có biện pháp hòa giải mâu thuẫn gia đình, khi vợ khởi kiện xin ly hôn cũng không tích cực phối hợp để hòa giải đoàn tụ gia đình và cũng không đưa ra được căn cứ, biện pháp hóa giải mâu thuẫn, sửa chữa sai lầm để đoàn tụ gia đình.

[8] Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng trong suốt thời gian dài, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ, bỏ mặc nguyên đơn tự giải quyết tại Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho ly hôn.

[9] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 người con chung là Triệu Thị Quỳnh T, sinh ngày 15/4/2022, hiện nay đang ở cùng anh Triệu Văn T và bà nội Nguyễn Thị B. Kết quả xác minh thực tế thì việc chăm sóc, đưa đón đi học hàng ngày do bà nội Nguyễn Thị B giúp, bà cũng có mong muốn trong trường hợp các con ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con cho anh Triệu Văn T, bà sẽ hỗ trợ chăm sóc, đưa đón cháu đi học. Hiện tại chị Hoàng Kim O đang đi làm thuê, ở nhà mẹ đẻ; trong khi người con chung đang sinh sống, học tập, phát triển ổn định bình thường cùng bố đẻ và gia đình, bản thân chị Hoàng Kim O cũng có yêu cầu, đề nghị khi ly hôn giao cháu Triệu Thị Quỳnh T cho anh Triệu Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hoàng Kim O sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đ/tháng (một triệu đồng một tháng), thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Hoàng Kim O phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

[10] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn xác định không có và các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, người thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng, cùng quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Quan hệ hôn nhân.

Xử cho chị Hoàng Kim O được ly hôn với anh Triệu Văn T.

(Đăng ký kết hôn số 25, ngày 15/9/2021, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn)

2. Con chung.

Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Triệu Thị Quỳnh T, sinh ngày 15/4/2022.

2.1. Sau khi ly hôn, anh Triệu Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Triệu Thị Quỳnh T đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; chị Hoàng Kim O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Chị Hoàng Kim O có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi cháu Triệu Thị Quỳnh T với số tiền 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng, một tháng); thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp chị Hoàng Kim O vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung thì anh Triệu Văn T có quyền làm đơn yêu cầu gửi đến cơ quan thi hành án, người phải thi hành án (chị Hoàng Kim O) chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương

ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí.

Chị Hoàng Kim O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước.

Xác nhận chị Hoàng Kim O đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005103 ngày 17/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Lạng Sơn); nay chị Hoàng Kim O còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn;
- Dương sự:.....;
- Lưu Tòa, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Cường